TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THẠNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1123/2024/DS-ST
Ngày: 19-6-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Ngọc An

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Hoàng Tuấn

2. Ông Trần Hưng

- Thư ký phiên tòa*:* Ông Lê Huy Khang - Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh*:* Bà Dương Thị Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1953/2023/TLST-DS ngày 07 tháng 11 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 192/2024/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 173/2024/QĐST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên M (Việt Nam).

Địa chỉ: 91 Pasteur, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Nguyễn Phước Quỳnh G – Đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 10/01/2024, Giấy ủy quyền số: 199/2023/GUQ-MAFC ngày 23/5//2023).

2. *Bị đơn*: Ông Lê Thanh T, sinh năm: 1979;

Địa chỉ: 50 Bùi Đình Túy, Phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 9 năm 2023 và các bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nguyên đơn có đại diện hợp pháp là bà Nguyễn Phước Quỳnh G trình bày:

Ngày 21/04/2022, Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên M (Việt Nam) (sau đây gọi tắt là Công ty Tài chính M) ký Hợp đồng tín dụng số:

3087709 (sau đây gọi tắt là Hợp đồng tín dụng) về việc cấp tín dụng cho ông Lê Thanh T với khoản vay trị giá 21.320.000 đồng. Sau khi ký kết, Công ty Tài chính M đã giải ngân theo đúng quy định trong Hợp đồng tín dụng cho ông Lê Thanh T. Theo Hợp đồng tín dụng, ông Lê Thanh T có nghĩa vụ thanh toán hàng tháng với số tiền là 1.972.955 đồng trong kỳ hạn 36 tháng kể từ ngày 10/05/2022 đến ngày 10/04/2025.

Sau khi được giải ngân, ông Lê Thanh T đã thanh toán được 10 kỳ, với số tiền là 7.701.761. Tuy nhiên, từ ngày 08/02/2023 ông Lê Thanh T đã không thanh toán theo nghĩa vụ hợp đồng đối với khoản vay mà phía Công ty Tài chính M đã giải ngân.

Công ty Tài chính M đã tiến hành liên hệ qua điện thoại đề nghị ông Lê Thanh T thực hiện nghĩa vụ thanh toán của mình theo hợp đồng. Đồng thời, Công ty Tài chính M cũng đã gửi thư đề nghị thực hiện nghĩa vụ thanh toán, để thông báo trực tiếp cho ông T biết về việc hoàn thành nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng. Tuy nhiên, ông T vẫn không có bất kỳ hành động thực tế nào thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng cho phía Công ty Tài chính M.

Do đã gởi thông báo nhắc nợ nhưng ông T vẫn cố tình không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng cho phía Công ty. Nên Công ty đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên buộc Ông Lê Thanh T thanh toán cho Công ty số tiền tạm tính đến ngày 08/4/2024 là:

+ Thanh toán dư nợ gốc : 21.320.000 đồng

+Tiền lãi phát sinh trong hạn : 10.126.122 đồng

+ Tiền lãi quá hạn : 64.375 đồng

+ Tiền lãi chậm trả : 584.908 đồng

Tổng cộng : 32.095.405 đồng.

❖ Diễn giải công thức tính lãi:

- Số tiền lãi trong hạn:

= Tổng số tiền lãi chưa trả mỗi kỳ

- Số tiền lãi quá hạn:

= 150% x Lãi suất x Số tiền gốc chưa trả mỗi kỳ x Số ngày quá hạn : 365 ngày

- Số tiền lãi chậm trả:

= 10% x Số tiền lãi chưa trả mỗi kỳ x Số ngày quá hạn : 365 ngày

Cách tính lãi trên được căn cứ tại Khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010 về Lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng, và Khoản 4 Điều 13, Khoản 5 Điều 14 Thông tư 39/2016/TT-NHNN về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

Ngoài ra Công ty còn yêu cầu Tòa án buộc Ông Lê Thanh T phải thanh toán lãi, phí phát sinh kể từ ngày 09/4/2024 cho đến khi thi hành xong bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn ông Lê Thanh T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và giấy triệu tập đến Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Được thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, Tòa án không nhận được ý kiến và bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào của ông T.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; Trong văn bản trình bày ý kiến gửi Hội đồng xét xử và bản tóm tắt sao kê ngày 19/6/2024, nguyên đơn yêu cầu bị đơn là ông Lê Thanh T phải thanh toán số tiền còn nợ tính đến ngày 19/6/2024 là : 34.838.159 đồng, trong đó nợ gốc : 21.320.000 đồng, lãi trong hạn : 12.216.354 đồng, lãi quá hạn : 493.650 đồng, lãi chậm trả : 808.155 đồng ; Thanh toán làm một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra Công ty còn yêu cầu Tòa án buộc Ông Lê Thanh T phải thanh toán lãi phát sinh kể từ ngày 20/6/2024 cho đến khi thi hành xong bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh được thể hiện đầy đủ tại bài phát biểu số: 157/PB-DS ngày 19/6/2024:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải vụ án: Căn cứ theo Hợp đồng tín dụng số 3087709 ký ngày 21/4/2022 giữa ông Lê Thanh T và Công ty Tài chính M; Căn cứ Điều 117 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của nguyên đơn thì xác định: Ngày 21/4/2022 giữa Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên M (Việt Nam) (sau đây gọi tắt là Công ty Tài chính M) ký Hợp đồng tín dụng số: 3087709 (sau đây gọi tắt là Hợp đồng tín dụng) về việc cấp tín dụng cho ông Lê Thanh T với khoản vay trị giá 21.320.000 đồng. Ông Lê Thanh T có nghĩa vụ thanh toán hàng tháng với số tiền là 1.972.955 đồng trong kỳ hạn 36 tháng kể từ ngày 10/05/2022 đến ngày 10/04/2025. Công ty đã giải ngân số tiền trên, ông T thanh toán được 10 kỳ số tiền 7.701.761 đồng, sau đó không tiếp tục thanh toán. Công ty Tài chính M nhắc nợ tuy nhiên ông T vẫn không thực hiện. Do đó, Công ty Tài chính M đã khởi kiện yêu cầu

ông T thanh toán tiền nợ tính đến ngày 19/6/2024 là : 34.838.159 đồng, trong đó nợ gốc : 21.320.000 đồng, lãi trong hạn : 12.216.354 đồng, lãi quá hạn : 493.650 đồng, lãi chậm trả : 808.155 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo. Căn cứ vào Điều 8 của Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng; Điều 91, 94, 95 và 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí: Bị đơn chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên M (Việt Nam) khởi kiện yêu cầu ông Lê Thanh T thực hiện nghĩa vụ trả tiền từ việc giao kết hợp đồng tín dụng giữa Công ty và ông, do đó quan hệ tranh chấp được xác định là tranh chấp Hợp đồng tín dụng được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại thời điểm thụ lý vụ án, bị đơn là ông Lê Thanh T có nơi cư trú tại quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh; Tòa án căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định tranh chấp giữa Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên M (Việt Nam) và ông Lê Thanh T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Bị đơn là ông Lê Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vào ngày 23/5/2024 và ngày 19/6/2024 nhưng ông T đều vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ gốc là 21.320.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận định:

Qua chứng cứ thể hiện trong hồ sơ và lời trình bày của nguyên đơn đã có đủ cơ sở khẳng định ông Lê Thanh T có ký giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số: 3087709 ngày 18/4/2022, được Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên M (Việt Nam) chấp thuận giao kết hợp đồng với ông T vào ngày 21/4/2022 và chuyển tiền giải ngân cùng ngày; Theo đó, ông T và Công ty ràng buộc quyền và nghĩa vụ của các bên bởi các điều khoản trong Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín

dụng. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T đã thanh toán số tiền 7.701.761 đồng của 10 kỳ, tuy nhiên bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán ở cá kỳ tiếp theo mặc dù nguyên đơn đã có thông báo nhắc nợ. Căn cứ Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: " Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định" và căn cứ vào khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay như sau: " Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn ..." Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ gốc là 21.320.000 đồng là có cơ sở để chấp nhận.

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi trong hạn : 12.216.354 đồng, lãi quá hạn : 493.650 đồng, lãi chậm trả : 808.155 tính đến ngày 19/6/2024 và tiếp tục chịu tiền lãi tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm theo thoả thuận tại Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong, Hội đồng xét xử nhận định:

Trong hợp đồng tín dụng, tại mục 8.3 nguyên đơn và bị đơn đã thỏa thuận về việc trả nợ trễ hạn: "Khi đến hạn thanh toán mà Khách hàng không trả hoặc trả không đầy đủ nợ gốc và/hoặc lãi theo thỏa thuận, thì ngoài việc trả lãi trên nợ gốc theo Lãi suất đã thỏa thuận thì Khách hàng còn phải chịu tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn và tiền lãi chậm trả…"

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định về lãi suất như sau: "Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật";

Căn cứ khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng: " Khi đến hạn thanh toán mà khách hàng không trả hoặc trả không đầy đủ nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay theo thỏa thuận, thì khách hàng phải trả lãi tiền vay như sau:

a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất cho vay đã thỏa thuận tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả;

b) Trường hợp khách hàng không trả đúng hạn tiền lãi theo quy định tại điểm a khoản này, thì phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận nhưng không vượt quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả;

c) Trường hợp khoản nợ vay bị chuyển nợ quá hạn, thì khách hàng phải trả lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất áp dụng không vượt quá 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Đồng thời căn cứ vào Điều 7 của Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao:

" Lãi, lãi suất trong hợp đồng tín dụng do các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết ...".

Hội đồng xét xử xét thấy thời gian tính lãi, mức lãi suất nguyên đơn áp dụng đối với bị đơn là đúng thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và phù hợp với quy định của pháp luật nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền lãi trong hạn : 12.216.354 đồng, lãi quá hạn : 493.650 đồng, lãi chậm trả : 808.155 tính đến ngày 19/6/2024 là có căn cứ để chấp nhận.

Trong khi đó, về phía bị đơn là ông Lê Thanh T vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án mà không có lý do hay có văn bản trình bày ý kiến đối với việc khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, bị đơn đã từ bỏ quyền tranh tụng tại Tòa án để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình, Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét cho quyền lợi của bị đơn.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 19/6/2024 là : 34.838.159 đồng, trong đó nợ gốc : 21.320.000 đồng, lãi trong hạn : 12.216.354 đồng, lãi quá hạn : 493.650 đồng, lãi chậm trả : 808.155, đồng thời bị đơn phải tiếp tục chịu tiền lãi theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong là hoàn toàn có có cơ sở chấp nhận như lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[4] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn, cụ thể: 34.838.159 đồng x 5% = 1.741.907 đồng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí nên được hoàn trả toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ vào Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ vào Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên M (Việt Nam).

Buộc bị đơn là ông Lê Thanh T phải thanh toán cho Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên M (Việt Nam) số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng là: 34.838.159 đồng (Ba mươi bốn triệu tám trăm ba mươi tám ngàn một trăm mười chín đồng), trong đó nợ gốc : 21.320.000 đồng, lãi trong hạn : 12.216.354 đồng, lãi quá hạn : 493.650 đồng, lãi chậm trả : 808.155. Ông T trả số tiền trên làm một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong, ông Lê Thanh T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về Án phí:

Ông Lê Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 1.741.907 đồng (Một triệu bảy trăm bốn mươi mốt ngàn chín trăm lẻ bảy đồng).

Hoàn trả cho Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên M (Việt Nam) toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 652.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2023/0028741 ngày 01/11/2023 của Chi cục thi hành án Dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo:

Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên M (Việt Nam), ông Lê Thanh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND Q. X;
- Chi cục THADS Q. X;
- Các đương sự;
- Lưu hs, vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc An